

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



CHỦ BIÊN: PGS.TS. NGUYỄN NGỌC QUANG

Giáo trình
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

(Tái bản lần thứ 2, có sửa đổi bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

2014

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	9
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	11
1.1. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP	11
1.1.1. Khái niệm kế toán quản trị	11
1.1.2. Bản chất kế toán quản trị trong doanh nghiệp.....	14
1.2. THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VỚI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ TRONG DOANH NGHIỆP	19
1.3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	23
1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của kế toán quản trị	23
1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của kế toán quản trị	24
1.4. SO SÁNH KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VÀ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH....	27
1.4.1. Những điểm giống nhau	27
1.4.2. Những điểm khác nhau	27
1.5. SỰ CẦN THIẾT, YÊU CẦU VÀ NHIỆM VỤ TỔ CHỨC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP	32
1.5.1. Sự cần thiết tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp..	32
1.5.2. Yêu cầu và nhiệm vụ tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp	33
1.6. TỔ CHỨC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP....	34
1.6.1. Tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp theo chức năng thông tin kế toán.....	34
1.6.2. Tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp theo chu trình thông tin kế toán	35
1.7. MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP	37

CHƯƠNG 2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ.....	41
2.1. KHÁI QUÁT VỀ CHI PHÍ.....	41
2.1.1. Bản chất kinh tế của chi phí	41
2.1.2. Khái niệm về chi phí dưới góc độ kế toán tài chính.....	42
2.1.3. Khái niệm về chi phí dưới góc độ kế toán quản trị	43
2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG.....	44
2.2.1. Chi phí sản xuất.....	44
2.2.2. Chi phí ngoài sản xuất.....	47
2.3. PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO NỘI DUNG KINH TẾ.....	49
2.4. PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO MỐI QUAN HỆ VỚI MỨC ĐỘ HOẠT ĐỘNG.....	54
2.4.1. Biến phí	54
2.4.2. Định phí.....	57
2.4.3. Chi phí hỗn hợp.....	61
2.5. PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO MỐI QUAN HỆ VỚI KỶ TÍNH KẾT QUẢ KINH DOANH	73
2.5.1. Chi phí thời kỳ.....	73
2.5.2. Chi phí sản phẩm.....	73
2.6. CÁC CÁCH PHÂN LOẠI CHI PHÍ KHÁC	76
2.6.1. Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.....	76
2.6.2. Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được	78
2.6.3. Chi phí chênh lệch.....	79
2.6.4. Chi phí chìm	80
2.6.5. Chi phí cơ hội.....	81
2.7. PHÂN LOẠI CHI PHÍ TRONG CÁC BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	82
2.7.1. Báo cáo kết quả kinh doanh theo chức năng của chi phí	82
2.7.2. Báo cáo kết quả kinh doanh theo mô hình lợi nhuận gộp	84
CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ SẢN XUẤT SẢN PHẨM, DỊCH VỤ	91
3.1. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ SẢN XUẤT SẢN PHẨM TRUYỀN THỐNG	92

3.1.1. Phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo công việc	92
3.1.2. Phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo quá trình sản xuất.....	105
3.2. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ SẢN XUẤT SẢN PHẨM HIỆN ĐẠI	110
3.2.1. Phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm theo mô hình chi phí mục tiêu (Target - Costing).	110
3.2.2. Phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm dựa trên hoạt động (Activity-Based Costing-ABC)	116
3.3. BÁO CÁO SẢN XUẤT.....	122
3.3.1. Khái niệm và ý nghĩa báo cáo sản xuất.....	122
3.3.2. Nội dung của báo cáo sản xuất.....	123
CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ- SẢN LƯỢNG VÀ LỢI NHUẬN (C-V-P).....	137
4.1. Ý NGHĨA PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ, SẢN LƯỢNG VÀ LỢI NHUẬN.....	138
4.2. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN ĐỂ PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ C-V-P	139
4.2.1. Lợi nhuận gộp	139
4.2.2. Tỷ lệ lợi nhuận gộp	142
4.3. PHÂN TÍCH ĐIỂM HÒA VỐN.....	144
4.3.1. Khái niệm, điều kiện và nội dung phân tích điểm hòa vốn....	144
4.3.2. Các chỉ tiêu an toàn	158
4.4. CƠ CẤU CHI PHÍ VÀ ĐỘ LỚN ĐÒN BẢY HOẠT ĐỘNG.....	160
4.4.1. Cơ cấu chi phí.....	160
4.4.2. Độ lớn đòn bẩy hoạt động	162
4.5. PHÂN TÍCH QUAN HỆ C-V-P ĐỂ RA QUYẾT ĐỊNH KINH DOANH	165
4.5.1. Thay đổi định phí và doanh thu tiêu thụ.....	166
4.5.2. Thay đổi biến phí và doanh thu tiêu thụ.....	167
4.5.3. Thay đổi định phí, giá bán và doanh thu tiêu thụ.....	168
4.5.4. Thay đổi định phí, biến phí và doanh thu.....	168

4.5.5. Thay đổi kết cấu sản phẩm tiêu thụ.....	170
4.6. ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG CHO PHÂN TÍCH C-V-P.....	171
CHƯƠNG 5. DỰ TOÁN SẢN XUẤT KINH DOANH.....	173
5.1. TỔNG QUAN VỀ DỰ TOÁN.....	173
5.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại dự toán.....	173
5.1.2. Cơ sở khoa học xây dựng dự toán.....	177
5.1.3. Trình tự xây dựng dự toán.....	178
5.2. ĐỊNH MỨC CHI PHÍ.....	181
5.2.1. Khái niệm.....	181
5.2.2. Phương pháp xây dựng định mức chi phí.....	183
5.2.3. Các định mức chi phí trong doanh nghiệp.....	184
5.3. DỰ TOÁN SẢN XUẤT KINH DOANH.....	190
5.3.1. Dự toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.....	190
5.3.2. Dự toán sản xuất (mua hàng).....	193
5.3.3. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	195
5.3.4. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp.....	197
5.3.5. Dự toán chi phí sản xuất chung.....	198
5.3.6. Dự toán thành phẩm, hàng hóa tồn cuối kỳ.....	200
5.3.7. Dự toán giá vốn hàng bán.....	201
5.3.8. Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp... ..	202
5.3.9. Dự toán báo cáo tài chính.....	203
CHƯƠNG 6. DỰ TOÁN LINH HOẠT.....	209
6.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA DỰ TOÁN LINH HOẠT.....	209
6.1.1. Khái niệm dự toán linh hoạt.....	209
6.1.2. Ý nghĩa của dự toán linh hoạt.....	211
6.2. PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ.....	216
6.2.1. Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	216
6.2.2. Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp.....	219
6.2.3. Phân tích biến động chi phí sản xuất chung.....	220
6.3. PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG TIÊU THỤ.....	227
6.4. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG.....	229

CHƯƠNG 7. KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM	233
7.1. KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÁC TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM	234
7.1.1. Khái niệm trung tâm trách nhiệm.....	234
7.1.2. Phân loại trung tâm trách nhiệm	237
7.1.3. Chi tiêu đánh giá trách nhiệm của các trung tâm	239
7.1.4. Hệ thống báo cáo kế toán trách nhiệm	247
7.2. BÁO CÁO BỘ PHẬN VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO BỘ PHẬN	251
7.2.1. Khái niệm và đặc điểm của báo cáo bộ phận	251
7.2.2. Phân tích báo cáo bộ phận.....	253
7.3. PHÂN BỐ CHI PHÍ PHỤC VỤ CHO CÁC BỘ PHẬN	257
7.3.1. Sự cần thiết phải phân bổ chi phí phục vụ cho các bộ phận.....	257
7.3.2. Nguyên tắc phân bổ chi phí phục vụ	258
7.3.3. Tiêu thức phân bổ chi phí phục vụ	260
7.3.4. Phương pháp phân bổ chi phí phục vụ	262
7.4. PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH LẬP THEO CÁC PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ	268
7.4.1. Các phương pháp xác định chi phí	268
7.4.2. Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo các phương pháp xác định chi phí.....	271
CHƯƠNG 8. ĐỊNH GIÁ BÁN SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP	279
8.1. LÝ THUYẾT CƠ BẢN VÀ Ý NGHĨA CỦA ĐỊNH GIÁ BÁN SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP	280
8.1.1. Lý thuyết cơ bản của định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp của nền kinh tế thị trường.....	280
8.1.2. Ý nghĩa của định giá bán sản phẩm trong quản trị doanh nghiệp	283
8.2. VAI TRÒ CỦA ĐỊNH GIÁ BÁN SẢN PHẨM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH, ĐỊNH GIÁ BÁN SẢN PHẨM	284
8.2.1. Vai trò của định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp	284
8.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định, định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp.....	286

8.3. NỘI DUNG ĐỊNH GIÁ BÁN SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP	288
8.3.1. Định giá bán sản phẩm trong dài hạn	288
8.3.2. Định giá bán sản phẩm trong ngắn hạn	300
CHƯƠNG 9. THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VỚI VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN	313
9.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA CÁC QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN	314
9.1.1. Khái niệm về quyết định ngắn hạn	314
9.1.2. Ý nghĩa của các quyết định ngắn hạn	315
9.2. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN	316
9.2.1. Tiêu chuẩn lựa chọn các quyết định ngắn hạn	316
9.2.2. Những đặc điểm của các quyết định ngắn hạn	317
9.3. CÁC BƯỚC RA QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN	319
9.4. ỨNG DỤNG PHÂN TÍCH THÔNG TIN THÍCH HỢP TRONG VIỆC RA CÁC QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN TRONG KINH DOANH	322
CHƯƠNG 10. THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VỚI VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH DÀI HẠN	343
10.1. KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC QUYẾT ĐỊNH DÀI HẠN TRONG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	343
10.1.1. Khái niệm về quyết định dài hạn	343
10.1.2. Vai trò của các quyết định dài hạn trong hệ thống quản lý doanh nghiệp	344
10.2. ĐẶC ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI QUYẾT ĐỊNH DÀI HẠN	345
10.2.1. Đặc điểm của các quyết định dài hạn	345
10.2.2. Phân loại các quyết định dài hạn	348
10.3. CÁC PHƯƠNG PHÁP RA QUYẾT ĐỊNH DÀI HẠN	350
10.3.1. Phương pháp hiện giá thuần	350
10.3.2. Phương pháp kỳ hoàn vốn	361
10.3.3. Phương pháp tỉ lệ sinh lời giản đơn	363
10.3.4. Phương pháp tỉ lệ sinh lời điều chỉnh theo thời gian	364

LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển của nền kinh tế thị trường, từng bước hội nhập sâu rộng trên các phương diện với khu vực và thế giới để tạo ra một nền kinh tế cộng đồng. Hòa cùng với sự thay đổi trong các chính sách quản lý kinh tế vi mô và vĩ mô, kế toán là công cụ sắc bén trong quản lý kinh tế cũng thay đổi theo. Sự thay đổi của kế toán đã làm cho người học, người dạy và các chuyên gia hành nghề thường xuyên cập nhật, bổ sung các kiến thức mới nhất.

Trong hệ thống thông tin kế toán nói chung, kế toán quản trị là một bộ phận cấu thành không thể thiếu được trong các doanh nghiệp kinh doanh, đơn vị sự nghiệp có thu. Kế toán quản trị với chức năng là công cụ hữu hiệu cung cấp thông tin cho các cấp quản lý để đưa ra các quyết định điều hành mọi hoạt động nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

Để phục vụ kịp thời nhu cầu học tập, nghiên cứu của đông đảo các đối tượng là học viên, sinh viên, nghiên cứu sinh, kế toán tổng hợp, kế toán trưởng, nhà quản trị kinh doanh...; cho các bậc đào tạo: đại học, sau đại học, bồi dưỡng nâng cao... tập thể giáo viên Bộ môn Phân tích và Kế toán quản trị thuộc Khoa Kế toán và Kiểm toán - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội đã biên soạn giáo trình "*Kế toán quản trị*".

Giáo trình này biên soạn dựa trên cơ sở tham khảo các tài liệu kế toán quản trị của những nước có nền kinh tế thị trường phát triển, giáo trình kế toán quản trị của các trường đại học khối kinh tế đầu ngành ở Việt Nam, tài liệu hội thảo quốc tế...đồng thời kết hợp với thông tư hướng dẫn kế toán quản trị của Bộ Tài chính.

Việc hoàn thành cuốn sách này là sự cố gắng của tập thể các thầy, cô giáo trong Bộ môn với kinh nghiệm giảng dạy và thực tiễn nhiều năm công tác. Tham gia biên soạn sách gồm:

1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang, biên soạn chương 1, 7 và 8.
2. PGS.TS. Nguyễn Năng Phúc, biên soạn chương 9 và 10.
3. PGS.TS. Phạm Thị Gái, biên soạn chương 3.
4. TS. Phạm Thị Thủy, giảng viên chính, biên soạn chương 6.
5. Th.S. Nguyễn Thị Minh Phương, giảng viên, biên soạn chương 4.
6. Th.S. Nguyễn Mai Chi, giảng viên, biên soạn chương 5.
7. Th.S. Trương Anh Dũng, giảng viên chính, biên soạn chương 2.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong biên soạn, nhưng do đây là một lĩnh vực khoa học mới mẻ cả về phương diện lý thuyết và thực tế ở Việt Nam, nên cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót, rất mong sự đóng góp chân thành của các bạn đọc gần, xa.

Xin chân thành cảm ơn!

TM tập thể tác giả

Chủ biên

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Mục tiêu của chương này cung cấp cho người học những nội dung sau:

- ❖ *Khái niệm và bản chất của kế toán quản trị, từ đó thấy được sự tồn tại và phát triển của thông tin kế toán quản trị là tất yếu khách quan trong các doanh nghiệp của nền kinh tế thị trường.*
- ❖ *Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kế toán quản trị trên phương diện lý thuyết và thực tiễn của nhà quản trị đối với doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu quản lý.*
- ❖ *So sánh kế toán tài chính và kế toán quản trị để thấy được điểm giống nhau và khác nhau giữa 2 hệ thống thông tin này.*
- ❖ *Tổ chức kế toán quản trị trong một đơn vị cụ thể để đáp ứng các nhu cầu thông tin phục vụ quản lý các cấp.*

1.1. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm kế toán quản trị

Lịch sử phát triển của kế toán gắn liền với quá trình phát triển của xã hội loài người, qua các hình thái kinh tế xã hội. Cùng với sự phát triển của kinh tế hàng hóa và kinh tế thị trường ngày nay, kế toán ngày càng hoàn thiện và phát triển trên mọi phương diện, nó thực sự trở thành công cụ không thể thiếu được trong quản trị, kiểm tra, kiểm soát và điều hành các hoạt động kinh tế tài chính của bất kỳ đơn vị nào.

Sự phát triển của kế toán gắn liền với sự phát triển nền kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển, các phương pháp kế toán cũng thay đổi và ngày càng hoàn thiện hơn. Các nghiên cứu đã chỉ ra sự phát triển của kế toán chủ yếu là để phục vụ nhu cầu của con người và mục tiêu cuối cùng của kế toán là cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động ra các quyết định. Các hoạt động của kế toán nhằm hướng tới việc cung cấp thông tin đáp ứng nhu cầu quản lý.

Nền kinh tế thị trường càng phát triển thì thông tin kế toán càng có vai trò quan trọng, nó vừa là công cụ hữu ích phục vụ cho quản trị, điều hành, kiểm soát đáng tin cậy, vừa là một phân hệ quan trọng cấu thành nên hệ thống thông tin kinh tế tài chính của đơn vị.

Chức năng của kế toán nói chung là cung cấp thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của một tổ chức cho các đối tượng sử dụng thông tin, với những mục tiêu sau:

Cung cấp các báo cáo kế toán theo các quy định phục vụ cho các đối tượng bên ngoài và bên trong đơn vị.

Hoạch định các chính sách dài hạn và ngắn hạn của đơn vị phục vụ các đối tượng bên trong tổ chức.

Kiểm soát kết quả các hoạt động của đơn vị phục vụ các đối tượng bên trong tổ chức.

Đối tượng sử dụng thông tin kế toán rất đa dạng (các ngân hàng, cổ đông, nhà cung cấp đầu vào cho quá trình sản xuất kinh doanh, nhà quản trị các cấp trong doanh nghiệp,...) và nhu cầu thông tin mà kế toán phải cung cấp cũng rất khác nhau phụ thuộc vào mục đích của người sử dụng thông tin. Điều đó đã thúc đẩy kế toán phát triển và cho ra đời các loại kế toán khác nhau. Theo mục đích cung cấp thông tin, kế toán chia thành: kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Kế toán tài chính chủ yếu thực hiện mục tiêu cung cấp các thông tin cho các đối tượng sử dụng bên ngoài doanh nghiệp là chủ yếu và các đối tượng bên trong ứng xử cho phù hợp.

Kế toán quản trị đáp ứng nhu cầu thông tin của các đối tượng bên

trong doanh nghiệp (nhà quản trị các cấp) phục vụ cho các hoạt động, để ra quyết định nhằm đạt được các mục tiêu tối ưu.

Như vậy, kế toán quản trị là một bộ phận cấu thành của hệ thống thông tin kế toán nói chung trong các doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường, nguyên nhân sự phát triển của kế toán quản trị là do sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, tập đoàn, quốc gia của tổng thể nền kinh tế. Nhưng trong bất kỳ một doanh nghiệp nào thì thông tin kế toán quản trị với chức năng cơ bản là công cụ hữu hiệu để các cấp lãnh đạo đưa ra quyết định điều hành mọi hoạt động nhằm hướng tới các mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Việc nghiên cứu kế toán quản trị được xem xét từ nhiều quan điểm và góc độ khác nhau.

Theo GS.Robert S.Kaplan, trường Đại học Harvard Business School (HBS), trường phái kế toán quản trị của Mỹ, “Kế toán quản trị là một bộ phận của hệ thống thông tin quản trị trong các tổ chức mà nhà quản trị dựa vào đó để hoạch định và kiểm soát các hoạt động của tổ chức”.

Như vậy theo quan điểm này, kế toán quản trị là công cụ gắn liền với hoạt động quản trị của các tổ chức. Nó có vai trò quan trọng cho các tổ chức xây dựng các dự toán, hoạch định các chính sách và kiểm soát mọi hoạt động của tổ chức.

Theo GS H.BOUQUIN Đại học Paris- Dauphin, trường phái kế toán quản trị của Pháp, “Kế toán quản trị là một hệ thống thông tin định lượng cung cấp cho các nhà quản trị đưa ra quyết định điều hành các tổ chức nhằm đạt hiệu quả cao”.

Như vậy, theo quan điểm này, kế toán quản trị là công cụ cung cấp thông tin cho các nhà quản trị, dựa vào thông tin đó các nhà quản trị đưa ra quyết định điều hành các hoạt động nhằm đạt hiệu quả kinh tế tối ưu.

Theo hiệp hội Kế toán viên hợp chủng quốc Hoa Kỳ “Kế toán quản trị là quy trình định dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, truyền đạt các thông tin tài chính và phi tài chính cho các nhà quản trị để điều hành các hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn”.

Theo quan điểm này, nhấn mạnh vai trò của kế toán quản trị là công cụ không thể thiếu được của các nhà quản trị khi đưa ra các quyết định kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản.

Theo Luật kế toán Việt Nam “Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán”.

Theo quan điểm này, ngoài việc nhấn mạnh vai trò của kế toán quản trị là thông tin hữu ích phục vụ các cấp quản lý khi đưa ra các quyết định còn cho biết quy trình nhận diện thông tin kế toán quản trị trong các tổ chức hoạt động.

Các khái niệm trên tuy có sự khác nhau về hình thức, song đều có những điểm cơ bản giống nhau:

- Kế toán quản trị là một bộ phận cấu thành trong hệ thống kế toán của các tổ chức hoạt động.

- Kế toán quản trị là công cụ không thể thiếu được trong các doanh nghiệp kinh doanh theo cơ chế thị trường vì nó là cơ sở khoa học để đưa ra mọi quyết định kinh doanh.

- Thông tin kế toán quản trị trong các tổ chức hoạt động giúp cho nhà quản trị thực hiện chức năng quản trị doanh nghiệp: lập kế hoạch; tổ chức thực hiện; kiểm tra, đánh giá và ra quyết định.

Từ những phân tích trên ta có thể đưa ra khái niệm kế toán quản trị như sau:

Kế toán quản trị là một môn khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin định lượng kết hợp với định tính về các hoạt động của một đơn vị cụ thể. Các thông tin đó giúp các nhà quản trị trong quá trình ra quyết định liên quan đến việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động của đơn vị nhằm tối ưu hóa các mục tiêu.

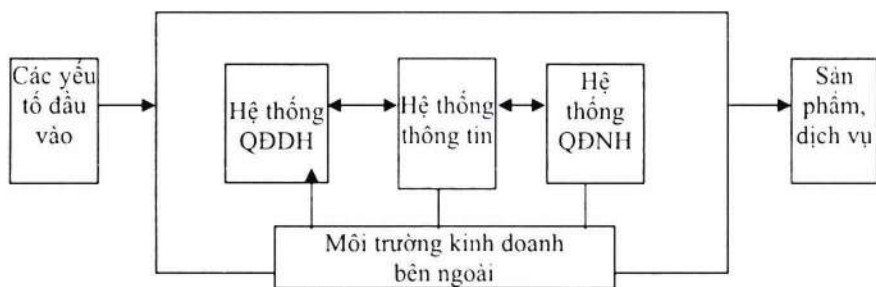
1.1.2. Bản chất kế toán quản trị trong doanh nghiệp

Trước khi nghiên cứu bản chất của kế toán quản trị, ta sẽ nghiên cứu bản chất của thông tin kế toán trong hệ thống các thông tin của một tổ chức hoạt động.

Hệ thống thông tin là một tổng thể bao gồm nhiều bộ phận khác nhau, có mối liên hệ tác động qua lại với nhau, được sắp xếp theo một trật tự nhất

định nhằm tạo thành một chỉnh thể thống nhất của tổ chức hoạt động, có khả năng thực hiện một số chức năng hoặc mục tiêu nhất định. Theo quan điểm này, doanh nghiệp là một hệ thống, nếu xem xét theo chức năng hoạt động nó bao gồm: hệ thống quyết định ngắn hạn, hệ thống quyết định tác nghiệp và hệ thống thông tin. Trong đó, hệ thống thông tin thực hiện mối liên hệ giữa hệ thống quyết định dài hạn và hệ thống quyết định tác nghiệp, đảm bảo cho chúng vận hành một cách thuận tiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin của doanh nghiệp còn có chức năng thu thập và trao đổi thông tin nội bộ với môi trường bên ngoài.

Sơ đồ 1.1. Mối quan hệ giữa hệ thống thông tin trong một tổ chức



Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp rất đa dạng và phong phú, do vậy hệ thống thông tin của doanh nghiệp cũng được phân thành các hệ thống tin theo từng lĩnh vực, từng chức năng quản trị, nhằm cung cấp thông tin trợ giúp cho quá trình ra quyết định ở mỗi lĩnh vực, mỗi hoạt động. Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp thường bao gồm các hệ thống thông tin con:

- Hệ thống thông tin thị trường.
- Hệ thống thông tin sản xuất.
- Hệ thống thông tin tài chính.
- Hệ thống thông tin nhân sự.
- Hệ thống thông tin kế toán.

Các hệ thống thông tin con có mối liên hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ và tác động qua lại với nhau. Các hệ thống con ở trên đều có mối quan hệ

Trong các doanh nghiệp kinh doanh, mục tiêu cuối cùng đó là lợi nhuận thu được khi đã đầu tư vào hoạt động. Nhưng để đạt lợi nhuận cao nhất các nhà quản trị kinh doanh cần phải có các quyết định kinh doanh một cách sáng suốt và khoa học. Muốn quyết định kinh doanh có tính khả thi cao phải dựa vào hệ thống thông tin kế toán quản trị cung cấp.

Như vậy kế toán quản trị có nhiệm vụ theo dõi tình hình biến động của các tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả của doanh nghiệp bằng các thước đo khác nhau, gắn với các quan hệ tài chính để cung cấp cho các cấp quản trị theo yêu cầu cụ thể.

Từ những sự phân tích trên, ta có thể khái quát bản chất của kế toán quản trị như sau:

- *Kế toán quản trị là một bộ phận cấu thành của kế toán nói chung trong các tổ chức kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh.*

- *Thông tin kế toán quản trị chủ yếu cung cấp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định điều hành các hoạt động kinh doanh. Các cấp quản trị từ tổ trưởng sản xuất, quản đốc phân xưởng, trưởng các phòng ban đến ban giám đốc và hội đồng quản trị doanh nghiệp.*

- *Thông tin kế toán quản trị thường cụ thể và mang tính chất định lượng nhiều vì gắn với các hoạt động kinh doanh cụ thể của doanh nghiệp.*

- *Thông tin kế toán quản trị được cụ thể hoá thành các chức năng cơ bản của các nhà quản trị như: xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện; phân tích, đánh giá và ra quyết định.*

Chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng ra quyết định điều phối các hoạt động kinh doanh để tối đa hóa lợi nhuận.

Tóm lại, bản chất thông tin kế toán quản trị là hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp. Thông tin kế toán quản trị có chức năng quan trọng nhằm tăng cường quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, trong môi trường kinh doanh luôn luôn biến động và phức tạp. Thực chất đó là một hệ thống thông tin quản trị hữu ích, một hệ thống thông tin quan hệ lợi ích, trách nhiệm trong nội bộ doanh nghiệp.

Để cung cấp thông tin nhằm tăng cường công tác quản trị doanh

ngiệp, giúp các nhà quản trị hoàn thành tốt các chức năng của mình, tổ chức kế toán quản trị phù hợp, khoa học, hiệu quả, tiết kiệm,... đáp ứng các yêu cầu đề ra là một nội dung rất quan trọng đối với mọi cấp quản trị.

1.2. THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ VỚI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ TRONG DOANH NGHIỆP

Thông tin kế toán quản trị có vai trò chủ đạo và chi phối toàn bộ hoạt động kinh doanh của các tổ chức hoạt động. Đó là cơ sở quan trọng để đưa ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn nhằm đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Ra quyết định là chức năng đồng thời cũng là nhiệm vụ cơ bản của các nhà quản trị doanh nghiệp. Nhiệm vụ cơ bản của các nhà quản trị trong bất kỳ tổ chức hoạt động nào gồm những chức năng: xây dựng kế hoạch; tổ chức thực hiện; kiểm soát, đánh giá và ra quyết định. Mối liên hệ giữa các chức năng của các nhà quản trị thể hiện trong một chuỗi các quyết định liên tiếp:

- Kế hoạch là một bức tranh tổng thể của doanh nghiệp trong tương lai, hoặc tổng thể các chỉ tiêu kinh tế được xây dựng và đưa ra các biện pháp để đạt được các mục tiêu kỳ vọng. Để xây dựng kế hoạch các nhà quản trị thường phải dự đoán, phán đoán kết quả của các chỉ tiêu kinh tế sẽ xảy ra dựa trên những cơ sở khoa học sẵn có. Trong quá trình xây dựng, nhà quản trị thường phải liên kết các chỉ tiêu kinh tế với nhau để thấy rõ sự tác động về nguyên nhân và kết quả sẽ xảy ra trong tương lai. Ví dụ: huy động nguồn vốn từ các tổ chức nào? Sử dụng nguồn vốn cho những mục đích gì? Do vậy, thông tin kế toán quản trị cần phải cung cấp cho các nhà quản lý để xây dựng kế hoạch các mục tiêu đề ra, nhằm đạt kết quả cao nhất trong các hoạt động.

Tóm lại, kế hoạch là phương hướng chỉ đạo để các hoạt động kinh doanh diễn ra một cách bình thường, đồng thời cũng là căn cứ để đánh giá các kết quả kinh doanh thu về.

- Nhiệm vụ tổ chức các hoạt động, đây là chức năng cơ bản của các nhà quản trị. Chức năng này nhằm truyền đạt các chỉ tiêu kế hoạch đã xây dựng cho các bộ phận trong doanh nghiệp. Đồng thời tổ chức hoạt động tại các bộ phận theo như kế hoạch đã phê duyệt. Chức năng này yêu cầu các

nhà quản lý phải liên kết các bộ phận với nhau, sử dụng nguồn lao động hợp lý nhằm khai thác tối đa các yếu tố của quá trình sản xuất để đạt được các mục tiêu đã dự định. Chức năng này yêu cầu các nhà quản trị phải sử dụng tổng hợp các thông tin của nhiều bộ phận trong doanh nghiệp, các thông tin bên trong và bên ngoài, thông tin định lượng và thông tin định tính để từ đó phán đoán và thực hiện tốt các quá trình kinh doanh theo các kế hoạch, dự toán đã xây dựng.

Tổ chức thực hiện còn là sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố trong quá trình sản xuất và vai trò của các nhà quản trị để thực hiện các khâu công việc theo như kế hoạch đã đề ra nhằm để đạt được mục tiêu của quá trình kinh doanh. Đây là giai đoạn quyết định nhất, bởi vì các quyết định kinh doanh phải hết sức linh hoạt, phù hợp với các điều kiện thực tiễn khi đó mới khai thác hết khả năng tiềm tàng của các yếu tố sản xuất và đạt được mục tiêu tối ưu.

Ví dụ: Quyết định mua vật tư ở thị trường nào vừa đảm bảo chất lượng, vừa đảm bảo chi phí thấp nhất...

- Kiểm tra và đánh giá các kết quả thực hiện. Căn cứ vào các chỉ tiêu của các kết quả thực hiện đối chiếu với các kế hoạch đã xây dựng để kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện kết quả của doanh nghiệp. Thông qua đó để phân tích và thu nhận các thông tin phục vụ cho quá trình kinh doanh tiếp theo.

Thực chất của quá trình kiểm tra và đánh giá thường là so sánh thấy được sự khác nhau giữa thực hiện với kế hoạch đã xây dựng, từ đó xác định các nguyên nhân ảnh hưởng để có thể điều chỉnh quá trình thực hiện của từng người, từng bộ phận nhằm cho các tổ chức hoạt động đạt được các mục tiêu tối ưu. Thông thường việc kiểm tra, đánh giá của kế toán quản trị thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Hệ thống kiểm soát nội bộ được thực hiện thông qua việc phân công, phân cấp dựa trên cơ chế quản lý tài chính và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong một tổ chức hoạt động cụ thể. Ví dụ: Quản đốc phân xưởng chịu trách nhiệm về các chỉ tiêu số lượng, chất lượng sản phẩm sản xuất. Trưởng phòng vật tư chịu trách nhiệm về chất lượng nguyên vật liệu thu mua.

Chương 1: Tổng quan về kế toán quản trị

- Ra quyết định, đây là chức năng cơ bản nhất của thông tin kế toán quản trị. Dựa vào nguồn thông tin thu thập, thông qua phân tích, chọn lọc thông tin để đưa ra quyết định đối với từng hoạt động cụ thể của quá trình kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tiết kiệm chi phí...

Ra quyết định là công việc thường xuyên của các nhà quản trị ảnh hưởng đến kết quả cuối cùng của doanh nghiệp. Việc ra quyết định thường dựa trên cơ sở tổng hợp nhiều nguồn thông tin khác nhau, nhưng trong đó thông tin kế toán quản trị thường giữ vai trò có tính chất quyết định và độ tin cậy cao. Các nhà quản trị thường đứng trước nhiều phương án kinh doanh khác nhau. Mỗi phương án thường bao gồm nhiều hệ thống thông tin đa dạng như là số lượng, chủng loại, chi phí, lợi nhuận, vốn, thị trường... Do vậy đòi hỏi kế toán quản trị phải tổng hợp, phân tích và chọn lọc hệ thống thông tin này. Trên cơ sở đánh giá hệ thống thông tin do kế toán quản trị cung cấp để đưa ra các quyết định chọn các phương án tối ưu.

Ví dụ: Trưởng phòng đầu tư cần phải biết thu hẹp hay mở rộng phạm vi sản xuất kinh doanh của mặt hàng nào. Trưởng phòng vật tư cần phải biết thông tin về tình hình hàng tồn kho để đưa ra quyết định thu mua vật tư cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của quá trình sản xuất, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Trưởng phòng tiêu thụ cần biết các thông tin về từng thị trường để thoả mãn nhu cầu của khách hàng. Giám đốc doanh nghiệp cần phải biết toàn bộ các thông tin về tình hình tài chính và các yếu tố sản xuất để điều hành quá trình sản xuất một cách nhịp nhàng, đồng bộ.

Các nhà quản trị là người ra quyết định nhằm đảm bảo sự tồn tại, phát triển liên tục của doanh nghiệp và kiểm soát việc thực hiện các quyết định đó. Do vậy tương ứng với từng khâu công việc quản trị thì kế toán phải cung cấp thông tin phù hợp cho từng khâu công việc đó.

- Trước hết, kế toán quản trị phải thiết lập một hệ thống các chỉ tiêu, mở tài khoản, sổ sách để ghi chép một cách có hệ thống các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu, mở tài khoản phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng thông tin và đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh khi đó các thông tin mới có tính hiệu quả về mọi mặt. Ví dụ phân loại nguyên vật liệu theo sản phẩm sản xuất để ghi chép, chi tiết hoá công nợ theo thời gian, theo đối tượng, khi đó ta phản ánh chính

nhà quản lý phải liên kết các bộ phận với nhau, sử dụng nguồn lao động hợp lý nhằm khai thác tối đa các yếu tố của quá trình sản xuất để đạt được các mục tiêu đã dự định. Chức năng này yêu cầu các nhà quản trị phải sử dụng tổng hợp các thông tin của nhiều bộ phận trong doanh nghiệp, các thông tin bên trong và bên ngoài, thông tin định lượng và thông tin định tính để từ đó phán đoán và thực hiện tốt các quá trình kinh doanh theo các kế hoạch, dự toán đã xây dựng.

Tổ chức thực hiện còn là sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố trong quá trình sản xuất và vai trò của các nhà quản trị để thực hiện các khâu công việc theo như kế hoạch đã đề ra nhằm để đạt được mục tiêu của quá trình kinh doanh. Đây là giai đoạn quyết định nhất, bởi vì các quyết định kinh doanh phải hết sức linh hoạt, phù hợp với các điều kiện thực tiễn khi đó mới khai thác hết khả năng tiềm tàng của các yếu tố sản xuất và đạt được mục tiêu tối ưu.

Ví dụ: Quyết định mua vật tư ở thị trường nào vừa đảm bảo chất lượng, vừa đảm bảo chi phí thấp nhất...

- Kiểm tra và đánh giá các kết quả thực hiện. Căn cứ vào các chỉ tiêu của các kết quả thực hiện đối chiếu với các kế hoạch đã xây dựng để kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện kết quả của doanh nghiệp. Thông qua đó để phân tích và thu nhận các thông tin phục vụ cho quá trình kinh doanh tiếp theo.

Thực chất của quá trình kiểm tra và đánh giá thường là so sánh ^{thực} được sự khác nhau giữa thực hiện với kế hoạch đã xây dựng, từ đó xác định các nguyên nhân ảnh hưởng để có thể điều chỉnh quá trình thực hiện của từng người, từng bộ phận nhằm cho các tổ chức hoạt động đạt được các mục tiêu tối ưu. Thông thường việc kiểm tra, đánh giá của kế toán quản trị thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Hệ thống kiểm soát nội bộ được thực hiện thông qua việc phân công, phân cấp dựa trên cơ chế quản lý tài chính và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong một tổ chức hoạt động cụ thể. Ví dụ: Quản đốc phân xưởng chịu trách nhiệm về các chỉ tiêu số lượng, chất lượng sản phẩm sản xuất. Trưởng phòng vật tư chịu trách nhiệm về chất lượng nguyên vật liệu thu mua.